

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai kết quả thực hiện
thu chi ngân sách quý II năm 2026 của xã Đông Thụy Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THỤY ANH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ- HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã khóa I – Kỳ họp thứ Tư về việc phê duyệt dự toán thu chi ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, tình hình thực hiện thu chi ngân sách quý II năm 2026 của xã Đông Thụy Anh. Cụ thể như sau:

(Có biểu mẫu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. /

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. HĐND- UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Niêm yết tại trụ sở xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Trần Tuấn Kiệt



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2026)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện			Ước thực hiện quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế quý		Dự toán	Cùng kỳ năm ...
			2	3		4=3/1	5
B							
A		1					
		84.537.000.000	24.778.490.688	64.190.801.341			
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	84.537.000.000	24.778.490.688	64.190.801.341			
I	Thu nội địa						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ	361.962.000.000	105.793.682.247	289.002.677.205		79,84	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	74.047.000.000	24.677.111.660	61.697.685.070		83,32	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.357.000.000	22.644.124.871	44.152.081.635			
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%			-			
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	71.690.000.000	2.032.986.789	17.545.603.435		24,47	
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	287.915.000.000	60.828.892.920	191.617.792.920		66,55	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	217.263.000.000	54.315.000.000	108.630.000.000			
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	70.652.000.000	6.513.892.920	82.987.792.920			
2	Thu bổ sung có mục tiêu			-			
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		20.287.677.667	20.287.677.667			
IV	Thu kết dư			15.399.521.548			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	361.962.000.000	69.987.944.395	142.636.648.187		39,41	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	291.310.000.000	60.250.789.995	120.440.421.887		41,34	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	70.600.000.000	4.608.433.200	16.572.192.200		23,47	
1	Chi đầu tư phát triển	216.050.000.000	55.642.356.795	103.868.229.687		48,08	
2	Chi thường xuyên			-			
3	Chi cho vay						



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế quý	Dự toán	Cùng kỳ năm ...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
4	Chi viện trợ			-		
5	Chi trả nợ lãi			-		
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	4.660.000.000		-		
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác	70.652.000.000	9.737.154.400	22.196.226.300	31,42	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Đông Thuỷ Anh



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2026)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm....
		1	2	3	4	5
A	B					
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	76.327.000.000	24.778.490.688	64.190.801.341	12.270	
I	Thu nội địa	76.327.000.000	24.778.490.688	64.190.801.341	12.270	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		-			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	350.000.000	10.070.695.273	25.124.808.114	7178,52	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.020.000.000	841.616.582	1.756.815.799	58,17	
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.160.000.000	2.667.401.415	10.685.136.181	921,13	
6	Các loại phí, lệ phí	1.050.000.000	1.158.172.015	2.866.460.581	273,00	
	Tráo: Lệ phí trước bạ	71.190.000.000	110.540.464	15.483.717.685	21,75	
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	590.000.000	5.826.561	21.257.732	3,60	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		78.213.903	78.213.903		
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	70.600.000.000	26.500.000	15.384.246.050	21,79	
-	Thu tiền sử dụng đất					
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					

TT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện			Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...	
			2	3	4	5	
A	B	1	331.826.000	331.826.000			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển		315.687.500	315.687.500			
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển	348.000.000	162.583.454	214.670.062			
12	Thu khác ngân sách	259.000.000	10.593.827.500	10.593.827.500	4.090,28		
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác						
14	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước						
-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế						
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu						
7	Thuế khác						
IV	Thu viện trợ						
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTDB và các khoản thu khác						
1	Thuế GTGT						
2	Thuế TTDB						
3	Hoàn các khoản thu khác	74.047.000.000	24.677.111.660	61.697.685.070	83,32		
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	72.390.000.000	2.032.986.789	17.545.603.435	24,24		
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP						

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế năm	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)		22.644.124.871	44.152.081.635	2664,58	
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.657.000.000				

Y BAN NHÂN DÂN
Xã Đông Thuy Anh

TÌNH HÌNH HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2026)

Đơn vị: Đồng



STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện			Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế quý		Dự toán	Cùng kỳ năm...
			2	3		4=3/1	5
A	B	1					
	TỔNG CHI NSDP	361.962.000.000	69.987.944.395	142.636.648.187			
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	291.310.000.000	69.987.944.395	142.636.648.187			
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	70.600.000.000	4.608.433.200	16.572.192.200		23,47	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	70.600.000.000	4.608.433.200	16.572.192.200			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia						
II	Chi trả nợ lãi						
III	Chi thường xuyên	216.050.000.000	65.379.511.195	126.064.455.987			
	Trong đó:						
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	127.759.000.000	24.607.161.890	51.660.044.171			
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	724.000.000		35.000.000			
IV	Chi cho vay						
V	Chi viện trợ						
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	4.660.000.000					
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế						
IX	Các nhiệm vụ chi khác						
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	70.652.000.000	9.737.154.400	22.196.226.300		31,42	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án						
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	70.652.000.000	9.737.154.400	22.196.226.300		31,42	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						